



Ký bởi: Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 176/QĐ- PGDĐT

Điện Biên, ngày 22 tháng 05 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025; Giao bổ sung dự toán cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi năm 2025

### TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND huyện Điện Biên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Điện Biên, về việc phê duyệt phương án phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2025 huyện Điện Biên; Quyết định số 4052/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Điện Biên, về việc phân bổ chi tiết dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán phòng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2025 của các đơn vị năm 2025; Giao bổ sung dự toán thực hiện các nhiệm vụ chi năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán: **6.847.297.204** đồng (Sáu tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm linh bốn đồng chẵn)
2. Điều chỉnh giảm dự toán: **6.847.297.204** đồng (Sáu tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm linh bốn đồng chẵn)  
(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán điều chỉnh, Hiệu trưởng các trường trực thuộc, bộ phận kế toán phòng có trách nhiệm quản lý và thanh quyết toán nguồn kinh phí được giao theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Hiệu trưởng các trường trực thuộc, Bộ phận kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH huyện;
- Kho bạc Nhà nước KV IX;
- Lưu VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Đặng Quang Huy



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 02

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH TĂNG - GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

Kèm theo Quyết định số 176/QĐ-PGDĐT ngày 22/05/2025 của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên

| Số TT | Tên trường                             | Điều chỉnh tăng (mã nguồn 13) | Điều chỉnh giảm (mã nguồn 13) | Mã QHNS  |
|-------|----------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|----------|
| 1     | 2                                      | 3                             | 4                             | 5        |
|       | <b>Tổng cộng</b>                       | <b>6.847.297.204</b>          | <b>6.847.297.204</b>          | <b>-</b> |
| 1     | Trường MN xã xã Mường Pồn              |                               | 107.780.062                   | 1096031  |
| 2     | Trường MN xã Thanh Nua                 | 50.663.499                    |                               | 1096014  |
| 3     | Trường MN xã Hua Thanh                 |                               | 60.037.451                    | 1098031  |
| 4     | Trường MN xã Thanh Luông               | 90.998.376                    |                               | 1096016  |
| 5     | Trường MN xã Thanh Chăn                |                               | 19.546.098                    | 1096017  |
| 6     | Trường MN xã Hẹ Muông                  | 9.115.044                     |                               | 1105672  |
| 7     | Trường MN xã Núa Ngam                  | 74.708.227                    |                               | 1096032  |
| 8     | Trường MN xã số 1 Na Tông              | 193.754.165                   |                               | 1099365  |
| 9     | Trường MN xã Mường Nhà                 | 19.898.487                    |                               | 1096035  |
| 10    | Trường MN xã Na U'                     |                               | 138.116.262                   | 1096034  |
| 11    | Trường MN xã Mường Lói                 |                               | 93.080.727                    | 1096036  |
| 12    | Trường MN xã Pa Thơm                   |                               | 43.917.833                    | 1096033  |
| 13    | Trường MN xã Sam Mứn                   | 287.710.541                   |                               | 1099344  |
| 14    | Trường MN xã Pom Lót                   | 29.602.297                    |                               | 1096027  |
| 15    | Trường MN xã Noong Luông               | 376.375.191                   |                               | 1096022  |
| 16    | Trường MN Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt |                               | 52.679.116                    | 1096026  |
| 17    | Trường MN xã Noong Hẹt                 |                               | 41.344.721                    | 1096025  |
| 18    | Trường MN xã Thanh Xương               | 341.384.834                   |                               | 1096023  |
| 19    | Trường MN số 2 xã Thanh Yên            | 5.037.108                     |                               | 1096021  |
| 20    | Trường MN xã Thanh Yên                 |                               | 66.460.323                    | 1096019  |
| 21    | Trường MN xã Thanh An                  |                               | 110.590.310                   | 1096024  |
| 22    | Trường MN số 2 xã Na Tông              | 177.703.841                   |                               | 1115198  |
| 23    | Trường MN xã Phu Luông                 |                               | 421.820.287                   | 1115261  |
| 24    | Trường MN Pu Lau xã Mường Nhà          | 9.601.262                     |                               | 1115256  |
| 25    | Phòng GD chi SN cấp MN xã              |                               | 152.378.119                   | 1034823  |
| 26    | Trường PTDTBT TH xã Mường Pồn          | 19.892.472                    |                               | 1095990  |
| 27    | Trường TH số 2 xã Mường Pồn            |                               | 23.231.027                    | 1099345  |
| 28    | Trường TH xã Thanh Chăn                | 335.885.740                   |                               | 1096005  |
| 29    | Trường TH xã Thanh Nua                 |                               | 93.977.775                    | 1095974  |
| 30    | Trường TH xã Hua Thanh                 | 503.257.310                   |                               | 1095996  |
| 31    | Trường TH xã Thanh Hưng                | 178.295.587                   |                               | 1096006  |
| 32    | Trường TH xã Thanh Luông               |                               | 12.888.361                    | 1096001  |
| 33    | Trường TH Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt |                               | 67.270.122                    | 1095982  |
| 34    | Trường TH Yên Cang                     | 117.190.790                   |                               | 1095983  |
| 35    | Trường TH xã Thanh An                  | 21.954.430                    |                               | 1095986  |
| 36    | Trường TH xã Pom Lót                   |                               | 43.647.915                    | 1095980  |

*[Signature]*